

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
93B NGUYỄN VĂN THỦ, P. ĐAKAO, QUẬN 1, TP.HCM
MST: 0303416670

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 04-2012



Tên cơ sở KD : CTY Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam

Địa điểm KD : 93 B Nguyễn Văn Thủ , P ĐaKao, Quận 1 , Tp HCM

Mã số thuế : 0303416670

BẢNG LIỆT KÊ HỒ SƠ QUÝ 04 NĂM 2012

STT	TÊN HỒ SƠ
	BÁO CÁO TÀI CHÍNH
1	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2	Thuyết minh báo cáo tài chính
3	Bảng Cân đối kế toán
4	Lưu chuyển tiền tệ
5	Bảng Cân Đối Số Phát Sinh
	Tổng cộng

TP. Hồ Chí Minh , ngày 18 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám Đốc *anh*



Nguyễn Văn Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 4 NĂM 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Quý trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		55,832,640,157	45,114,299,010
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		55,832,640,157	45,114,299,010
4. Giá vốn hàng bán	11		18,162,775,679	16,919,136,523
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37,669,864,478	28,195,162,487
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	3,872,706,176	2,862,985,413
7. Chi phí tài chính	22		4,199,787,481	4,209,495,336
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,199,787,481	4,209,495,336
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.2	5,811,601,580	3,317,507,948
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31,531,181,593	23,531,144,616
11. Thu nhập khác	31		821,136,216	220,559,273
12. Chi phí khác	32		1,943,000	2,200,800
13. Lợi nhuận khác	40		819,193,216	218,358,473
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32,350,374,809	23,749,503,089
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.3	1,164,500,211	781,053,519
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		31,185,874,598	22,968,449,570
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			333	245

Người lập biểu

Nguyễn Duy Hà

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thành Tú Anh

Ngày 18 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam (VNĐ), ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

1. Hoạt động kinh doanh chính

Công ty cổ phần thủy điện miền Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303416670 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp:

- | | |
|----------------------|----------------------------|
| - Chứng nhận lần đầu | ngày 13 tháng 7 năm 2004; |
| - Thay đổi lần thứ 2 | ngày 9 tháng 4 năm 2008; |
| - Thay đổi lần thứ 3 | ngày 25 tháng 11 năm 2009. |
| - Thay đổi lần thứ 4 | ngày 09 tháng 05 năm 2011 |
| - Thay đổi lần thứ 5 | ngày 25 tháng 11 năm 2011 |

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty:

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
- Đào tạo nghề
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, và phụ tùng máy cơ khí
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở)

Trụ sở của Công ty đặt tại số 93B Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1.

2. Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303416670, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 937.102.000.000 VNĐ.

Trong đó, danh sách cổ đông sáng lập:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ	Đơn vị tính: VNĐ
			Giá trị
Tổng Công ty điện lực Miền Nam (Trước đây là Công ty Điện Lực 2)	7.500.000	8,00%	75.000.000.000
Công ty TNHH dây và cáp điện Tân Cường Thành	600.000	0,64%	6.000.000.000
Lê Chí Phước	2.000	0,00%	20.000.000
Nguyễn Văn Dũng	2.000	0,00%	20.000.000
4212 Cổ đông khác	10.908.500	11,64%	109.085.000.000

Vốn thực tế góp của chủ sở hữu đến 31 tháng 12 năm 2012, cụ thể như sau:

Vốn góp đến ngày 30 tháng 9 năm 2012	937.102.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	
Vốn góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2012	937.102.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần thủy điện miền Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303416670 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp:

- | | |
|----------------------|----------------------------|
| - Chứng nhận lần đầu | ngày 13 tháng 7 năm 2004; |
| - Thay đổi lần thứ 2 | ngày 9 tháng 4 năm 2008; |
| - Thay đổi lần thứ 3 | ngày 25 tháng 11 năm 2009. |
| - Thay đổi lần thứ 4 | ngày 09 tháng 05 năm 2011. |
| - Thay đổi lần thứ 5 | ngày 25 tháng 11 năm 2011 |

2. Hình thức hoạt động

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty:

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
- Đào tạo nghề
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, và phụ tùng máy cơ khí
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở)

Trụ sở của Công ty đặt tại số 93B Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1.

II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: Nguyên tắc giá gốc

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

Thuyết minh này là một phần không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Đến ngày lập báo cáo tài chính, các số dư tiền mặt hoặc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Tất cả các khoản lãi/lỗ do chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước

- Nguyên tắc ghi nhận: chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ đi (-) giá trị phân bổ lũy kế.
- Phương pháp phân bổ: việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Khấu hao tài sản cố định tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa vào tỷ lệ khấu hao quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Thời gian sử dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phần mềm quản lý	3 năm
Tài sản cố định hình thành từ XDCB	5-50 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: phản ánh số vốn thực tế đã góp bằng tiền, bằng tài sản khi thành lập, hoặc huy động thêm vốn để mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ đầy đủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác".

6. Nguyên tắc vốn hóa chi phí lãi vay

7. Phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định dựa trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hằng năm bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) lợi nhuận thu được.

Các khoản thuế phải nộp được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dự trù trên cơ sở tính toán của Công ty. Theo quy định hiện hành, tổng số thuế phải nộp chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Khoản sai biệt, nếu có, giữa số thuế được dự trù và số thuế theo quyết toán thuế chính thức của cơ quan thuế sẽ được điều chỉnh sau khi nhận được báo cáo quyết toán thuế chính thức của cơ quan thuế.

8. Các bên có liên quan

Các bên được gọi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

9. Giao dịch giữa các bên có liên quan

Là việc chuyển giao các quyền lực hay nghĩa vụ giữa các bên có liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2012
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	31/12/2012	30/9/2012
Tiền mặt	29,224,334	65,711,301
Tiền gửi ngân hàng	18,107,915,384	31,962,854,463
Các khoản tương đương tiền	164,757,115,934	164,289,521,632
	<u>182,894,255,652</u>	<u>196,318,087,396</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2012	30/9/2012
Đầu tư ngắn hạn khác	(a) <u>3,821,364,689</u>	<u>3,821,364,689</u>
	<u>3,821,364,689</u>	<u>3,821,364,689</u>

(a) Đầu tư ngắn hạn khác	31/12/2012	30/9/2012
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng		
Ngân hàng phát triển - CN Lâm Đồng	3,821,364,689	3,821,364,689
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Sĩ		
Tiền gửi có kỳ hạn 9 tháng		
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng		
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II		
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng		
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Sĩ		
Ngân hàng Phát Triển VN - SGDII		
	<u>3,821,364,689</u>	<u>3,821,364,689</u>

3. Các khoản phải thu	31/12/2012	30/9/2012
Phải thu khách hàng	37,723,483,013	33,319,976,359
Trả trước cho người bán	164,917,054,199	105,634,841,453
Các khoản phải thu khác	(a) <u>1,153,089,279</u>	<u>1,010,451,832</u>
	<u>203,793,626,491</u>	<u>139,965,269,644</u>

(a) Khoản phải thu khác	31/12/2012	30/9/2012
Lãi dự thu	805,266,447	593,054,280
Thuế TNCN còn phải thu	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2012
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Khác	347,822,832	417,397,552
	<u>1,153,089,279</u>	<u>1,010,451,832</u>

4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	30/9/2012
Chi phí trả trước ngắn hạn	412,453,334	366,818,343
Thuế GTGT được khấu trừ (a)	13,881,246,336	7,987,099,918
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	32,809,231,952	24,822,132,034
Tài sản ngắn hạn khác	745,756,552	2,033,769,445
	<u>47,848,688,174</u>	<u>35,209,819,740</u>

(a) Thuế GTGT được khấu trừ	31/12/2012	30/9/2012
Thuế GTGT còn được khấu trừ	13,881,246,336	7,987,099,918
	<u>13,881,246,336</u>	<u>7,987,099,918</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2012

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

5. Tài sản cố định

(a) Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	TSCĐ hình thành từ XDCB	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	444,527,169	5,406,895,540	1,032,361,355	46,160,000	767,634,241,381	774,564,185,445
Mua trong năm	-	15,522,727		-	-	15,522,727
XDCB hoàn thành						-
Số dư cuối năm	444,527,169	5,422,418,267	1,032,361,355	46,160,000	767,634,241,381	774,579,708,172
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	130,308,949	3,092,369,103	601,848,334	11,219,444	110,630,337,852	114,466,083,682
Khấu hao	19,180,458	170,775,351	38,304,560	1,923,333	12,042,592,902	12,272,776,604
Số dư cuối năm	149,489,407	3,263,144,454	640,152,894	13,142,777	122,672,930,754	126,738,860,286
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Số dư đầu năm	314,218,220	2,314,526,437	430,513,021	34,940,556	657,003,903,529	660,098,101,763
Số dư cuối năm	295,037,762	2,159,273,813	392,208,461	33,017,223	644,961,310,627	647,840,847,886

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không
 Nguyên giá của những tài sản cố định cuối năm đơn vị đã trích khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không
 Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không
 Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không
 Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không

(b) Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	2,719,863,637			24,984,000	2,744,847,637
Mua trong năm				-	-
Số dư cuối năm	2,719,863,637			24,984,000	2,744,847,637
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm				6,957,910	6,957,910
Khấu hao				1,249,200	1,249,200

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2012

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Số dư cuối năm	-	-	-	8,207,110	8,207,110
----------------	---	---	---	------------------	------------------

Giá trị còn lại của TSCĐ

Số dư đầu năm	2,719,863,637			18,026,090	2,737,889,727
Số dư cuối năm	2,719,863,637	-	-	16,776,890	2,736,640,527

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2012

30/9/2012

Chi phí XD CB Nhà điều hành Bảo Lộc

193,183,181

193,183,181

Nhà máy thủy điện Đasiat

Nhà máy thủy điện Đadăng 2

Nhà máy thủy điện Đambri

1,447,678,388,198

1,188,581,162,740

1,447,871,571,379

1,188,774,345,921

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2012
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Công trình	Công suất (MW)	Sản lượng điện (triệu KWH)	Dự kiến phát điện
Nhà máy thủy điện Đasiat	13.5	59.34	Đã phát điện tháng 1/2010
Nhà máy thủy điện Đadăng 2	34	152.11	Đã phát điện tháng 09/2010
Nhà máy thủy điện Đambri	75	338.20	tháng 10/2013

Công trình	Tổng mức đầu tư	Tỷ lệ hoàn thành đến 31/12/2012
Nhà máy thủy điện Đasiat	241,804,000,000 (a)	Đã hoàn thành
Nhà máy thủy điện Đadăng 2	592,322,000,000 (b)	Đã hoàn thành
Nhà máy thủy điện Đambri	1,798,317,000,000 (c)	80.50%

(a) Theo Quyết định số 07/TĐMN-HĐQT ngày 5 tháng 10 năm 2004 của Hội đồng quản trị.

(b) Theo Quyết định số 23/QĐ-CPTĐMN-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2006 của Hội đồng quản trị.

(c) Theo Quyết định số 42/QĐ-CPTĐMN-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2007 của Hội đồng quản trị.

Chi phí xây dựng Nhà Máy Thủy Điện Đambri

Chi phí xây dựng	900,583,166,272
Chi phí thiết bị	215,725,037,965
Chi phí kiến thiết cơ bản khác	331,370,183,961
Chi phí kiến thiết cơ bản khác	67,146,192,210
Chi phí lãi vay được vốn hóa	115,204,674,685
Chi phí đền bù	87,401,439,977
Chi phí quản lý	61,617,877,089
	1,447,678,388,198

7. Tài sản dài hạn khác	31/12/2012	30/9/2012
Chi phí trả trước dài hạn khác (a)	611,727,672	789,923,119
Tài sản dài hạn khác (b)	384,000,000	384,000,000
	995,727,672	1,173,923,119

(a) Chi phí trả trước dài hạn khác	31/12/2012	30/9/2012
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ	173,932,844	189,297,448
Chi phí khác	437,794,828	600,625,671
	611,727,672	789,923,119

(b) Đây là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng làm việc tại số 93B Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2012
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

8. Nợ ngắn hạn	31/12/2012	30/9/2012
Vay và nợ ngắn hạn (a)	96,364,000,000	14,989,000,000
Phải trả người bán	98,081,694,960	72,907,715,996
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (b)	5,301,028,284	8,745,619,450
Phải trả người lao động	4,342,643,916	-
Chi phí phải trả	9,964,319,474	8,358,621,931
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (c)	187,067,281,827	92,489,917,781
Quý khen thưởng, phúc lợi	1,100,286,279	3,106,073,835
	402,221,254,740	200,596,948,993

(a) Nợ dài hạn đến hạn trả	31/12/2012	30/9/2012
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II	42,516,000,000	10,629,000,000
Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Lâm Đồng	36,408,000,000	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch II	8,720,000,000	2,180,000,000
Ngân hàng ngoại thương TP Hồ Chí Minh	6,104,000,000	1,526,000,000
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Sĩ	2,616,000,000	654,000,000
	96,364,000,000	14,989,000,000

(*) Xem chi tiết tại mục V.8.

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2012	30/9/2012
Thuế GTGT đầu ra	1,232,537,416	4,866,736,924
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,147,639,100	644,056,383
Thuế thu nhập cá nhân	171,918,174	34,891,414
Thuế tài nguyên	384,821,794	843,656,929
Phí dịch vụ bảo vệ rừng	2,364,111,800	2,356,277,800
	5,301,028,284	8,745,619,450

(c) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012	30/9/2012
Kinh phí công đoàn	129,398,239	21,785,357
Cổ tức năm 2008 còn phải trả cho cổ đông	437,786,000	455,286,000
Cổ tức năm 2009 còn phải trả cho cổ đông	508,043,100	538,790,100
Cổ tức năm 2010 còn phải trả cho cổ đông	838,612,800	920,425,800
Cổ tức năm 2011 còn phải trả cho cổ đông	2,192,815,500	2,516,187,000
Trích trước phần thiết bị uỷ thác nhập của PC2	181,007,118,356	88,015,472,705
Nhân viên công ty	9,320,544	9,366,280
Phải trả khác	1,944,187,288	12,604,539
	187,067,281,827	92,489,917,781

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2012
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

9. Nợ dài hạn

31/12/2012

30/9/2012

Vay và nợ dài hạn	(a)	1,089,630,697,173	1,012,783,910,712
		<u>1,089,630,697,173</u>	<u>1,012,783,910,712</u>

(a) Vay và nợ dài hạn

31/12/2012

30/9/2012

Vay thực hiện Dự án Đasiat		
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Sở GD II	8,600,000,000	17,320,000,005
- Ngân hàng Ngoại thương	6,020,000,000	12,123,999,996
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - CI	2,580,000,000	5,195,999,999
Vay thực hiện Dự án Đambri		
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	987,351,704,108	850,548,917,647
Vay thực hiện Dự án Đadăng 2		
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II	85,078,993,065	127,594,993,065
	<u>1,089,630,697,173</u>	<u>1,012,783,910,712</u>

Vay thực hiện Dự án Đasiat

Đây là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 05.411001/HĐCVHV.TDH ngày 22 tháng 11 năm 2005, cụ thể như sau:

Hạn mức tín dụng:	169 tỷ đồng
Thời hạn vay:	12 năm
Thời gian ân hạn:	2 năm
Lãi suất:	Lãi suất cơ sở + 2,5%
Thời hạn bắt đầu trả nợ gốc:	Sau 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng
Hình thức đảm bảo:	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Khoản vay này do 3 ngân hàng đồng tài trợ, như sau:	

	Số tiền	Tỷ lệ
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Sở GD II	84,500,000,000	50%
- Ngân hàng Ngoại thương	59,150,000,000	35%
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - CI	25,350,000,000	15%
	<u>169,000,000,000</u>	<u>100%</u>

Số dư khoản vay thực hiện dự án Đasiat đến 31 tháng 12 năm 2012

Nợ dài hạn đến hạn trả	17,440,000,000
Vay dài hạn	<u>17,200,000,000</u>
	<u>34,640,000,000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2012
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Vay thực hiện Dự án Đambri

Đây là khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTDDT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008, cụ thể như sau:

Hạn mức tín dụng:	1.250 tỷ đồng
Thời hạn vay:	13 năm
Thời gian ân hạn:	3,5 năm
Thời hạn bắt đầu trả nợ gốc:	Sau 3,5 năm kể từ ngày ký hợp đồng
Hình thức đảm bảo:	Tài sản hình thành sau đầu tư

Số dư khoản vay thực hiện dự án Đambri đến 31 tháng 12 năm 2012

Nợ dài hạn đến hạn trả	36,408,000,000
Vay dài hạn	987,351,704,108
	<u>1,023,759,704,108</u>

Vay thực hiện Dự án Đadâng

Đây là khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II theo Hợp đồng tín dụng số 10/2008/HĐTDDT-NHPT-PC ngày 21 tháng 7 năm 2008, cụ thể như sau:

Hạn mức tín dụng:	276,341 tỷ đồng
Thời hạn vay:	8 năm
Thời gian ân hạn:	1,5 năm
Thời hạn bắt đầu trả nợ gốc:	01/10/2010
Hình thức đảm bảo:	Tài sản hình thành từ vốn vay

Số dư khoản vay thực hiện dự án Đadâng đến 31 tháng 12 năm 2012

Nợ dài hạn đến hạn trả	42,516,000,000
Vay dài hạn	85,078,993,065
	<u>127,594,993,065</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2012
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

10. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2012	30/9/2012
Vốn góp đầu năm	937,102,000,000	853,113,440,000
Vốn góp tăng trong năm	-	83,988,560,000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	937,102,000,000	937,102,000,000

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp được 937.102.000.000 VNĐ tương đương 100 % vốn điều lệ Công ty.

Cổ phiếu	31/12/2012	30/9/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	93,710,200	93,710,200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		8,398,856
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	93,710,200	93,710,200
Số cổ phiếu đang lưu hành:	31/12/2012	30/9/2012
- Cổ phiếu thường	93,710,200	93,710,200
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu	10,000	10,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2012
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2012

Số dư đầu	63,267,791,389
Kết quả kinh doanh quý 01	5,843,061,376
Kết quả kinh doanh quý 02	31,409,678,583
Kết quả kinh doanh quý 03	22,968,449,570
Kết quả kinh doanh quý 04	31,185,874,598
Chia lãi cổ đông năm 2011	(42,655,672,000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2011	(3,154,574,270)
	108,864,609,246

Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2012	30/9/2012
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,100,286,279	3,106,073,835

VI. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Các khoản thu	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán điện	55,832,640,157	45,114,299,010
2 Doanh thu hoạt động tài chính	3,872,706,176	2,862,985,413
3 Thu nhập khác	821,136,216	220,559,273
Cộng	60,526,482,549	48,197,843,696
2. Tổng chi phí	Năm nay	Năm trước
1 Giá vốn	18,162,775,679	16,919,136,523
2 Chi phí tài chính	4,199,787,481	4,209,495,336
3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,811,601,580	3,317,507,948
4 Chi phí khác	1,943,000	2,200,800
	28,176,107,740	24,448,340,607

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2012
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31-12-2012
Lợi nhuận kế toán trước thuế	32,350,374,809
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1,943,474,121
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
Lợi nhuận điều chỉnh chưa trừ lỗ	34,293,848,930
Số lỗ mang sang	-
Thu nhập tính thuế	34,293,848,930
Thu nhập hoạt động miễn thuế	29,700,292,527
Thu nhập hoạt động chịu thuế	2,650,082,282
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,148,389,101
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các quý trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành quý này	16,111,110
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,164,500,211

VII THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về các bên có liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các công ty mà Công ty có liên quan thông qua quan hệ về vốn. Như được trình bày dưới đây, Công ty và các công ty liên kết mà Công ty có mối quan hệ giao dịch thông qua quan hệ đầu tư/ nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02-2012
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

2. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2012) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kế toán trưởng



NGUYỄN THÀNH TÚ ANH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN THỊNH